

Hoài Đức, ngày 24 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh P.T.A**, sinh năm 1978; ĐKTT: P 1805, tòa 18T1, Chung cư The Golden, xã A.K, huyện H.Đ, thành phố H.N.

- **Chị L.T.Th.H**, sinh năm 1986; ĐKTT: P 1805, tòa 18T1, Chung cư The Golden, xã A.K, huyện H.Đ, thành phố H.N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2008 trên cơ sở tự nguyện, tại UBND phường X.K, thị xã S.T, thành phố H.N trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T.A và chị H thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H xác nhận có 03 (ba) con chung là cháu P.Đ.M, sinh ngày 31/3/2009; cháu P.M.A, sinh ngày 07/01/2015 và cháu P.Đ.K, sinh ngày 19/9/2016. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả ba con chung là cháu P.Đ.M, cháu P.M.A và cháu P.Đ.K kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T.A cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/cháu/tháng (Ba triệu đồng/01 cháu/01 tháng) kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh P.T.A có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh, anh chị tự chịu trách nhiệm.

[5] Về lệ phí: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H thỏa thuận chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Sự tự nguyện của chị H là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao cháu P.Đ.M, sinh ngày 31/3/2009; cháu P.M.A, sinh ngày 07/01/2015 và cháu P.Đ.K, sinh ngày 19/9/2016 cho chị L.T.Th.H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh P.T.A cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/cháu/tháng (Ba triệu đồng/01 cháu/01 tháng) kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh P.T.A có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[1.3] Về tài sản chung: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Anh P.T.A và chị L.T.Th.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị L.T.Th.H tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0039012 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND huyện Hoài Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Hoài Đức;*
- *UBND Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội*
(GCN số 58 ngày 26/12/2008);
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Cao Thu Hoài